

Số: 48/2025/NQ-HĐND

Tây Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2031;

Xét Tờ trình số 2852 /TTr-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra số 763/BC-HĐND ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quy định chung

Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, công khai, minh bạch,

không trùng lặp; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để phục vụ cho công tác tổ chức bầu cử; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, tổ chức để phục vụ cho công tác bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

Điều 3. Mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ

1. Mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Ban chỉ đạo, Ủy bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với các khoản chi khoán theo tháng: trường hợp từ 15 ngày trở lên tính tròn tháng, dưới 15 ngày tính nửa tháng).

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh sách từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương theo phân cấp.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tham gia tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ phục vụ công tác bầu cử theo quy định tại Nghị quyết này có trách nhiệm thực hiện đảm bảo theo đúng định mức, đúng điều kiện, đúng đối tượng; đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết 07/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh trước sáp nhập quy định về nội dung chi, mức chi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng nhân dân

tỉnh Long An trước sáp nhập quy định nội dung chi và mức chi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Đối với khối lượng công việc đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết có hiệu lực, các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Nghị quyết và chứng từ chi tiêu thực tế hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ tình hình thực tế địa phương, trường hợp phát sinh nội dung chi, mức chi chưa được quy định tại Nghị quyết này, giao Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

5. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh khoá X, kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Tây Ninh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh);
- Lưu: VT, VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

PHỤ LỤC

Quy định mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ để phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Kèm theo Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Tỉnh	Cấp xã	
1	Chi tổ chức hội nghị				
1.1	Hội nghị triển khai công tác bầu cử; Hội nghị trực tuyến; Hội nghị hiệp thương; Hội nghị giao ban; Hội nghị tổng kết, khen thưởng công tác bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.		
1.2	Tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Long An; Nghị quyết 13/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An		
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
2.1	Các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh, các Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã, Ủy ban Mặt trận tổ quốc				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/ buổi	400.000	320.000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/ buổi	160.000	130.000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/ buổi	80.000	65.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Tỉnh	Cấp xã	
2.2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/ buổi	240.000	190.000	
b	Thành viên tham dự	đồng/người/ buổi	160.000	130.000	
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/ buổi	80.000	65.000	
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử các cấp, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, Thường trực HĐND tỉnh, Tiểu ban của Ủy ban bầu cử (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)				
3.1	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/ buổi	240.000	190.000	
3.2	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/ buổi	160.000	130.000	
3.3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát				
a	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/ buổi	120.000	95.000	
b	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/ buổi	80.000	65.000	
3.4	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
a	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của từng đợt kiểm tra, giám sát (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/báo cáo	4.000.000	3.200.000	
b	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/báo cáo	5.600.000	4.500.000	
4	Chi xây dựng văn bản				
4.1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Long An		

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Tỉnh	Cấp xã	
4.2	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm 4.1 Phụ lục này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn xã, phường do Ban Chỉ đạo, UBND, HĐND, Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh, Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã; Ủy ban MTTQVN các cấp ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công cuộc bầu cử trong toàn tỉnh, xã, phường, các văn bản hướng dẫn cho một xã/phường nhưng được gửi đến tất cả các xã, phường để cùng áp dụng) tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý	đồng/văn bản	2.400.000	1.900.000	
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
5.1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau				
a	Trưởng, phó Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã	đồng/người/tháng	2.650.000	2.100.000	
b	Thành viên Ban chỉ đạo, Ủy viên Ủy ban bầu cử; Phó các Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã	đồng/người/tháng	2.400.000	1.900.000	
c	Ủy viên Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; các Ủy viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã	đồng/người/tháng	2.000.000	1.500.000	
d	Thành viên Ban Bầu cử	đồng/người/cả đợt bầu cử	1.500.000	1.200.000	
đ	Thành viên Tổ bầu cử	đồng/người/cả đợt bầu cử	600.000		
5.2	Bồi dưỡng các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, tổ giúp việc, tổ phục vụ Ủy ban bầu cử; thời gian hưởng không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố				

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Tỉnh	Cấp xã	
	cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)				
a	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử không quá 15 ngày	đồng/người/ngày	160.000	130.000	
b	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày thực hiện chi bồi dưỡng trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp thẩm quyền phê duyệt	đồng/người/tháng	2.400.000	1.900.000	
5.3	Bồi dưỡng riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	240.000	190.000	
6	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
6.1	Trưởng, Phó và thành viên Ban chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban bầu cử; Trưởng, Phó Trưởng các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử tỉnh; Tổ trưởng, Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã; thường trực tổ giúp việc cho Ban thường trực Ủy ban thường trực Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	đồng/người/tháng	400.000	320.000	
6.2	Các Ủy viên Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử tỉnh; Ủy viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử cấp xã	đồng/người/tháng	240.000	190.000	
6.3	Trưởng ban, Phó ban bầu cử	đồng/người/cả đợt bầu cử	240.000	190.000	
6.4	Tổ trưởng, Thư ký Tổ bầu cử	đồng/người/cả đợt bầu cử	150.000		
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
7.1	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	150.000	120.000	
7.2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	80.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Tỉnh	Cấp xã	
7.3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	40.000	
8	Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/ hòm phiếu	500.000	-	
9	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/dấu	400.000		
10	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, cần phải bổ sung), mức chi tối đa	đồng/bảng	-	1.200.000	
11	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
12	Chi công tác in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ		
13	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử		Sử dụng trang thiết bị hiện có của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ Ủy ban bầu cử các cấp. Trường hợp có nhu cầu mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của Ủy ban bầu cử các cấp: đề nghị cơ quan, đơn vị thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm được giao; hồ sơ, thủ tục mua sắm, thẩm quyền quyết định mua sắm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.		
14	Chi khác				
14.1	Khoán chi hỗ trợ cho công tác đảm bảo an ninh, trật tự	đồng/ cả đợt bầu cử	100.000.000	30.000.000	
14.2	Khoán chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và hội nghị tiếp xúc vận động bầu cử đối với người ứng cử	đồng/điểm	1.200.000		
14.3	Khoán chi hỗ trợ chi phí hành chính: Văn phòng phẩm, chi phí hành chính; thuê hội trường, địa điểm, trang thiết	đồng/ cả đợt bầu cử	-	40.000.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		Ghi chú
			Tỉnh	Cấp xã	
	bị; điện, nước uống hội nghị và khoản chi khác có liên quan				
14.4	Khoản chi hỗ trợ công tác tuyên truyền	đồng/ cá đợt bầu cử	1.000.000.000	15.000.000	
14.5	Khoản chi hỗ trợ mua sắm vật chất, trang trí tại Tổ bầu cử	đồng/Tổ	3.000.000		
14.6	Các nội dung chi khác: Thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, tiêu chuẩn định mức chi trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.				
14.7	Mức chi của cấp xã tại các nội dung 14.1, 14.2, 14.3, 14.4, 14.5 làm cơ sở xác định dự toán chi ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã; theo khả năng cân đối ngân sách, xã, phường được bố trí thêm từ ngân sách cấp mình để đảm bảo dự toán chi theo nhu cầu thực tế của địa phương; việc xây dựng dự toán về nội dung, mức chi đảm bảo theo quy định.				